

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST

Ngày: 21-8 -2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đang và bà Trần Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2020/TLST - KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST - KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-KDTM ngày 05/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: Tháp B, số 35 H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Phan Đức T** - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Vũ Văn T** - Chức vụ Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh T

(Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ)

Người đại diện theo ủy quyền lại: **Ông Nguyễn Xuân D** - Giám đốc phòng giao dịch K, Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh T *(Theo Văn bản ủy quyền lại ngày 15/7/2020 về việc ủy quyền tham gia tố tụng)*

- Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1982 và bà Phạm Thị Th, sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân D có mặt, ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/05/2017, trên cơ sở đề nghị được vay vốn của vợ chồng ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th và tài sản thế chấp là nhà đất của vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Th, Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh T đã đồng ý ký kết Hợp đồng tín dụng số 40317/2017/8897014/HĐTD ký ngày 08/05/2017 với vợ chồng ông H, bà Th cụ thể số tiền cho vay là 250.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn*); mục đích vay là kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm; thời hạn vay 08 tháng; lãi suất áp dụng đối với số tiền vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là:

- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay là 9,8%/năm áp dụng trong thời gian vay vốn hoặc được điều chỉnh khi Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh T điều chỉnh lãi xuất theo các quy định về thay đổi lãi xuất cho vay của Ngân hàng Nhà nước và hướng dẫn của Ngân hàng TMCP Đ.

- Lãi suất nợ quá hạn:

- + Lãi suất quá hạn là: 150% lãi suất cho vay trong hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có)

- + Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là: 10%/năm tính trên số lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, bên vay có tài sản đã thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp bất động sản được ký kết với Ngân hàng như sau:

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 40706/16/8897014/HĐBĐ được ký kết ngày 30/08/2016 giữa Ngân hàng và ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th, trong đó tài sản thế chấp là:

Tài sản 01: Tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng 210.8 m² đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 387219 do UBND huyện K cấp ngày 08/09/2015 cho ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th ở xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tài sản được định giá tại thời điểm thế chấp là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng).

Tài sản 02: Tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng 1116 m² đất và tài sản gắn liền với đất là 03 nhà cấp 4 + bếp, công trình phụ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 702259 do UBND huyện K cấp ngày 10/03/2016 cho ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th ở xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tài sản được định giá tại thời điểm thế chấp là 250.000.000 triệu đồng.

Các tài sản thế chấp trên đều có đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật. Việc thế chấp đã thực hiện công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ và hoàn tất các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật và của Ngân hàng.

Quá trình kiểm tra sử dụng vốn vay cho thấy ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th đã sử dụng vốn vay đúng mục đích. Tuy nhiên, do hoạt động kinh doanh của ông H và gia đình gặp khó khăn dẫn đến thua lỗ, ông H, bà Th không trả được gốc và lãi vay cho Ngân hàng.

Ngày 08/01/2018 đến hạn thanh toán gốc tuy nhiên khách hàng không trả nợ cho Ngân hàng, do đó ngày 09/01/2018, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ

gốc sang quá hạn và bắt đầu tính lãi phạt quá hạn. Sau khi chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc vợ chồng ông H, bà Th thực hiện trách nhiệm trả nợ nhưng đến nay vợ chồng ông H, bà Th vẫn chưa trả gốc và lãi vay cho Ngân hàng.

Tính đến hết ngày 31/05/2020 số tiền vợ chồng ông Học chưa trả nợ Ngân hàng là 338.971.917 đồng, trong đó:

- Nợ gốc là: 250.000.000 đồng;
- Nợ lãi là: 88.971.917 đồng (trong đó lãi trong hạn là: 59.605.479 đồng, lãi quá hạn là: 29.366.438 đồng).

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H và bà Th phải thanh toán số tiền gốc là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 97.228.082 đồng (Trong đó tính lãi trong hạn từ ngày 26/12/2017 đến hết ngày 21/8/2020 (970 ngày): $250.000.000 \text{ đồng} \times 9,8\% \times 970/365 = 65.109.589 \text{ đồng}$. Lãi quá hạn tính từ ngày 09/01/2018 đến hết ngày 21/8/2020 (957 ngày): $250.000.000 \text{ đồng} \times 50\% \times 9,8\% \times 957/365 = 32.118.493 \text{ đồng}$), tổng cộng cả gốc và lãi là 347.228.082 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng yêu cầu ông H, bà Th có mặt tại Tòa án để làm việc nhưng ông H, bà Th không đến làm việc và cũng không có quan điểm, ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn vẫn giữ nguyên việc nhận ủy quyền lại, giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 30, Điểm b khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 262, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật Dân sự, khoản 1, Điều 179 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 và 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); đề nghị Hội đồng xét xử; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ngày 06/5/2020 của Ngân hàng TMCP Đ; buộc ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền: 347.228.082 đồng, trong đó: Nợ gốc là : 250.000.000 đồng, nợ lãi là 97. 228.082 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là: 65.109.589 đồng; lãi quá hạn: 32.118.493 đồng). Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th phải nộp án phí kinh doanh

thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng và người bị kiện là ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Th có địa chỉ tại xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên tại điểm b mục 10 trong Hợp đồng tín dụng số 40317/2017/8897014/HĐTD ký ngày 08/05/2017 được thể hiện hai bên thống nhất nếu có tranh chấp thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Theo nội dung hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp bất động sản thể hiện ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th có địa chỉ tại xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên, sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới nên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, thông báo để đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Bị đơn cũng không thể hiện ý kiến, quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ngày 05/8/2020 ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 21/8/2020 ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trên cơ sở hợp đồng thế chấp bất động sản số 40706/16/8897014/HĐBĐ được ký kết ngày 30/08/2016 và đề nghị được vay vốn của vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Th, Ngân hàng đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 40317/2017/8897014/HĐTD ký ngày 08/05/2017 với ông H, bà Th với số tiền cho vay là 250.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng*). Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên đảm bảo đúng quy định của pháp luật và ông H, bà Th đã nhận được khoản tiền vay theo hợp đồng được thể hiện bằng bảng kê rút vốn được lập ngày 08/5/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H, bà Th đã trả lãi cho đến hết ngày 25/12/2017 sau đó không thực hiện nghĩa vụ nữa. Khi hết hạn hợp đồng ông H, bà Th không trả gốc và lãi cho Ngân hàng theo như đã thỏa thuận.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, ngày trả nợ cuối cùng là hết ngày 08/01/2018 nhưng bị đơn không trả được nợ gốc, như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 250.000.000 đồng là đúng pháp luật.

Về lãi suất:

Việc tính lãi trong hạn và lãi quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản vay của ông H, bà Th là đúng theo thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng tín dụng số 40317/2017/8897014/HĐTD ký ngày 08/05/2017 và theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, Tòa án chấp nhận tổng số tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả tính đến ngày 21/8/2020 là 97.228.082 đồng (Trong đó tính lãi trong hạn từ ngày 26/12/2017 đến hết ngày 21/8/2020 (970 ngày): $250.000.000 \text{ đồng} \times 9,8\% \times 970/365 = 65.109.589 \text{ đồng}$. Lãi quá hạn tính từ ngày 09/01/2018 đến hết ngày 21/8/2020 (957 ngày): $250.000.000 \text{ đồng} \times 50\% \times 9,8\% \times 957/365 = 32.118.493 \text{ đồng}$)

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì Quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/8/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với các tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ:

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 40706/16/8897014/HĐBĐ được ký kết ngày 30/08/2016 giữa ông H, bà Th với Ngân hàng đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm hợp pháp. Các tài sản bảo đảm đều thể hiện rõ ý chí của ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th bảo đảm cho khoản vay của ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th tại Ngân hàng, bảo đảm nghĩa vụ thanh toán của ông H, bà Th đối với Ngân hàng nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th để thu hồi nợ là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như phù hợp với thỏa thuận của các đương sự được thể hiện trong hợp đồng thế chấp tài sản và trong hợp đồng tín dụng.

[5]Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ngân hàng không phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, cụ thể: $250.000.000 \text{ đ tiền gốc} + 97.228.082 \text{ đồng lãi} = 347.228.082 \text{ đồng} \times 5\% = 17.361.404 \text{ đồng}$, làm tròn 17.361.000 đồng.

Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 325, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 179 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th.

Buộc ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền tính đến hết ngày 21/8/2020 là 347.228.082 đồng, trong đó: Nợ gốc là : 250.000.000 đồng, nợ lãi là 97. 228.082 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là: 65.109.589 đồng; lãi quá hạn: 32.118.493 đồng).

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì Quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/8/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể các tài sản sau:

- Quyền sử dụng 210.8 m2 đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 387219 do UBND huyện K cấp ngày 08/09/2015 cho ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th ở xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Quyền sử dụng 1116 m2 đất và tài sản gắn liền với đất là 03 nhà cấp 4 + bếp, công trình phụ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 702259 do UBND huyện K cấp ngày 10/03/2016 cho ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th ở xã K, huyện K, Tỉnh Ninh Bình.

(Thể hiện tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 40706/16/8897014/HĐBĐ được ký kết ngày 30/08/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th).

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 8. 391.000 đồng (Tám triệu ba trăm chín mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001566 ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

- Ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th phải nộp 17.361.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm sáu mươi một nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại.

Án xử công khai sơ thẩm Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vũ Ngọc Tú